

MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH TẠI KHU ĐIỀU TRỊ THEO YÊU CẦU - BỆNH VIỆN ĐA KHOA TIỀN GIANG GIAI ĐOẠN 2015 – 2021

Nguyễn Toàn Thắng¹, Nguyễn Quỳnh Anh²

Keywords: Influential factors, financial performance, On-demand treatment area

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích một số yếu tố ảnh hưởng kết quả hoạt động tài chính tại Khu Điều trị theo yêu cầu (Khu ĐTYC) giai đoạn 2015 – 2021. **Phương pháp nghiên cứu:** Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang, kết hợp nghiên cứu định lượng và phương pháp nghiên cứu định tính thông qua phỏng vấn sâu 03 cuộc, thảo luận nhóm 01 cuộc với Ban điều hành, Ban giám đốc, lãnh đạo các bộ phận. **Kết quả và kết luận:** Tổng doanh thu năm 2021 tăng 1,97 lần so với năm 2015. Tổng chi phí có xu hướng tăng từng năm trong giai đoạn 2015 – 2021. Lợi nhuận giai đoạn 2015 – 2021 đạt 68.999 triệu đồng. Yếu tố bên ngoài ảnh hưởng lớn đến kết quả tài chính là chính sách xã hội hoá. Bên cạnh yếu tố cấu trúc có tác động tương đối rõ, các yếu tố bên trong còn lại gồm vận hành, quản lý chiến lược và nhân lực có mức ảnh hưởng tương đương, tác động đan xen đối với kết quả hoạt động tài chính.

Từ khóa: Yếu tố ảnh hưởng, kết quả hoạt động tài chính, Khu Điều trị theo yêu cầu

SUMMARY

SOME FACTORS AFFECTING FINANCIAL PERFORMANCE AT THE ON-DEMAND TREATMENT AREA - TIEN GIANG GENERAL HOSPITAL IN THE PERIOD 2015 - 2021

Objective: The study was conducted to analyze a number of factors affecting financial performance at the On-Demand Treatment Area (CHP) in the period 2015 - 2021. **Research Methods:** Cross-sectional descriptive research design, combining quantitative research and qualitative research methods through 03 in-depth interviews, 01 group discussions with the Executive Board, the Board of Directors, and leaders of departments. **Results and conclusions:** Total revenue in 2021 increased 1.97 times compared to 2015. Total costs tend to increase year by year in the period 2015 - 2021. Profit in the period 2015 - 2021 reached VND 68,999 million. The main external influence on financial results is socialization policy. In addition to structural factors, which have a relatively clear impact, the remaining internal factors including operations, strategic management and human resources have an equivalent influence, interwoven impact on financial performance.

¹Bệnh viện Đa khoa Trung tâm Tiền Giang

²Trường Đại Học Y tế Công Cộng

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Quỳnh Anh

Email: nga@huph.edu.vn

Ngày nhận bài: 5.6.2023

Ngày phản biện khoa học: 17.7.2023

Ngày duyệt bài: 9.8.2023

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh viện Đa khoa trung tâm (BV ĐKTT) Tiền Giang bên cạnh các thành tựu nổi bật vẫn còn tồn đọng nhiều khó khăn, thách thức như tình trạng quá tải bệnh viện; cơ sở vật chất chật hẹp, xuống cấp, nhận nhiều ý kiến phản ánh từ phía người bệnh và thân nhân (1). Nhằm giải quyết phần nào tình trạng quá tải cũng như yêu cầu nâng cao chất lượng điều trị, phục vụ, BV ĐKTT Tiền Giang mời gọi nhà đầu tư từ các thành phần kinh tế cùng hợp tác để thực hiện dự án Khu Điều trị theo yêu cầu (Khu ĐTYC) theo mô hình xã hội hóa (XHH) (2).

Với tính chất là mô hình thí điểm, cơ chế tự chủ tài chính hoàn toàn, hạch toán theo mô hình doanh nghiệp nên việc quản lý hoạt động tài chính tại Khu ĐTYC nhằm đảm bảo khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị thông qua việc cung cấp dịch vụ y tế để bù đắp chi phí, trích đủ khấu hao thu hồi vốn đầu tư và phân phối lợi nhuận hợp pháp cho các thành viên tham gia hợp doanh là rất quan trọng (3). Chính vì vậy, việc thực hiện nghiên cứu “Kết quả hoạt động tài chính và một số ảnh hưởng tại Khu Điều trị theo yêu cầu – Bệnh viện Đa khoa trung tâm Tiền Giang giai đoạn 2015 – 2021” nhằm cung cấp bằng chứng giúp vận hành Khu ĐTYC đạt các mục tiêu đề ra là rất cần thiết.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp từ các báo cáo tài chính của Khu ĐTYC giai đoạn 2015 – 2021 và phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm Ban điều hành, Ban giám đốc, lãnh đạo các bộ phận.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu: Nghiên cứu thực hiện từ tháng 11/2021 đến tháng 08/2022 tại Khu ĐTYC – BV ĐKTTG.

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, kết hợp giữa nghiên cứu định lượng bằng hồi cứu số liệu thứ cấp và phương pháp nghiên cứu định tính.

Phương pháp thu thập số liệu: Hồi cứu số liệu thứ cấp về kết quả hoạt động tài chính của Khu ĐTYC trong các năm 2015 – 2021 thông

qua các biểu mẫu. Phòng văn sâu, thảo luận nhóm được thực hiện với Ban điều hành, Ban giám đốc, lãnh đạo các bộ phận nhằm thu thập thông tin định tính cho 2 nhóm chủ đề là các yếu tố bên ngoài (chính sách xã hội hoá, bối cảnh), yếu tố bên trong (cấu trúc, điều hành, quản lý chiến lược, nhân lực) để làm rõ thêm các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính.

Phương pháp phân tích số liệu: Quá trình nhập liệu và phân tích số liệu định lượng được thực hiện bằng phần mềm Microsoft Excel. Số liệu định tính sau khi thu thập được gỡ băng, phân nhóm thông tin và phân tích theo chủ đề.

Đạo đức của nghiên cứu: Nghiên cứu này đã trình Hội đồng Đạo đức của Trường Đại học Y tế công cộng xem xét và được phê duyệt tại văn bản số 202/2022/YTCC-HD3 ngày 01/06/2022

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Kết quả hoạt động tài chính của Khu ĐTYC giai đoạn 2015 – 2021

Bảng 1. Tổng doanh thu của Khu ĐTYC giai đoạn 2015 – 2021

ĐVT: triệu đồng

	Tổng doanh thu	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	Doanh thu từ hoạt động khám chữa bệnh (KCB), kinh doanh thuốc, vật tư và dịch vụ cho thuê	44.394	63.378	74.210	83.142	94.180	78.864	87.521
2	Doanh thu thuần	44.366	63.200	74.004	82.988	94.061	78.757	87.469
2.1	Tăng/giảm so với năm trước (+/-)		18.834	10.804	8.983	11.073	-15.305	8.712
2.2	Tăng/giảm so với năm trước (%)		42%	17%	12%	13%	-16%	11%

Trong giai đoạn 2015 – 2021, doanh thu thuần tăng mạnh từ năm 2015 (đạt 44.366 trđ) đến năm 2019 (đạt 94.061 trđ, tăng 112% so với năm 2015). Năm 2020 doanh thu thuần giảm còn 78.757 trđ (giảm 16% so với năm 2019) và tăng nhẹ vào năm 2021 khi đạt 87.469 trđ (tăng 10% so với năm 2020).

Bảng 2. Tổng chi phí tại Khu ĐTYC giai đoạn 2015 – 2021

ĐVT: triệu đồng

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
1. Chi phí chính	35.132	48.829	56.520	60.976	71.450	64.114	78.843
2. Chi phí quản lý	4.137	3.941	5.553	6.188	6.638	6.276	5.406
3. Chi phí khác	1	115	63	17	1	370	41
Tổng chi phí (chưa có thuế TNDN)	39.270	52.885	62.136	67.180	78.089	70.760	84.291

Tổng chi phí của Khu ĐTYC có xu hướng tăng từng năm trong giai đoạn 2015 – 2021. Năm 2015 tổng chi phí là 39.280 trđ, năm 2016 là 52.910 trđ (tăng 35%), năm 2017 là 62.167 trđ (tăng 17%), năm 2018 là 67.219 trđ (tăng 8%), năm 2019 là 78.943 trđ (tăng 17%), năm 2020 là 71.062 trđ (giảm 10%) và năm 2021 là 84.425 trđ (tăng 19%).

Bảng 3. Tổng lợi nhuận trước/sau thuế của Khu ĐTYC giai đoạn 2015 – 2021

ĐVT: triệu đồng

	Tổng lợi nhuận	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	5.131	10.366	11.882	15.817	15.983	8.004	3.183
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.121	10.341	11.851	15.778	15.130	7.702	3.076
2.1	Tăng/giảm so với năm trước (+/-)		5.219	1.510	3.928	- 649	- 7.428	- 4.625
2.2	Tăng/giảm so với năm trước (%)		102%	15%	33%	- 4%	- 49%	- 60%

Lợi nhuận sau thuế của Khu ĐTYC năm 2015 đạt 5.121 trđ, năm 2016 đạt 10.341 trđ (tăng 102%), năm 2017 đạt 11.851 trđ (tăng 14%), năm 2018 đạt 15.778 trđ (tăng 33%), năm 2019 đạt 15.130 trđ (giảm 4%), năm 2020 đạt 7.702 trđ (giảm 49%), năm 2021 đạt 3.076 trđ (giảm 60%).

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính

Yếu tố bên ngoài

Yếu tố chính sách. Việc tự chủ tài chính thường gắn liền với chủ trương cho phép XHH y

tế, các cơ sở y tế công lập được phép liên doanh, liên kết để cung cấp dịch vụ y tế theo phạm vi chuyên môn và các quy định pháp luật. Nguồn thu dịch vụ từ hoạt động xã hội hóa được các cơ sở y tế công lập ghi nhận vào nguồn thu chung và được sử dụng theo quy chế chi tiêu của đơn vị (4).

Kết quả PVS cho thấy quá trình hình thành và kết quả hoạt động tài chính tại Khu ĐTYC theo chính sách XHH như sau:

"Với cơ chế tài chính tự chủ hoàn toàn, hoạt

động theo mô hình doanh nghiệp nên việc huy động vốn đầu tư, triển khai thực hiện dự án giảm được nhiều khâu, thủ tục so với đầu tư công nên chỉ cần 18 tháng kể từ bước chuẩn bị đầu tư dự án đã có thể đưa vào vận hành, khai thác. Đây cũng là yếu tố tiền đề giúp cho kết quả tài chính của đơn vị có nhiều thuận lợi trong giai đoạn 2015 – 2021.” (PVS 01) hay

“Việc được hưởng các ưu đãi từ chính sách XHH y tế như miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn tiền sử dụng đất, ... đã góp phần gia tăng hiệu quả tài chính, giảm thời gian hoàn vốn đầu tư.” (PVS 04)

Yếu tố bối cảnh

Kinh tế xã hội tăng trưởng làm tăng nhu cầu chăm sóc sức khỏe, người dân có điều kiện chi trả cao hơn cho dịch vụ hỗ trợ khi cần. Tình trạng quá tải, cơ sở vật chất xuống cấp tại Bệnh viện ĐKTT TG cũng là nguyên nhân người bệnh chọn KCB tại Khu ĐTYC.

“Khi xây dựng danh mục dịch vụ, Khu ĐTYC tập trung vào các dịch vụ quá tải tại Bệnh viện ĐKTT TG như khám ngoại trú, một số khoa nội trú, thận nhân tạo, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh (nội soi, siêu âm, Xquang, chụp CT, ...) để đầu tư khai thác. Các dịch vụ này cũng ít tính cạnh tranh vì đòi hỏi nhân lực có chuyên môn cao, trang thiết bị hiện đại và cơ sở vật chất có quy mô” (PVS 04).

“Giá dịch vụ được xây dựng dựa trên mặt bằng chung của thị trường, người bệnh lại được thanh toán BHYT nên đa số hài lòng về chi phí khi lựa chọn KCB tại Khu ĐTYC.” (TLN)

Yếu tố bên trong

Yếu tố cấu trúc. Khu ĐTYC gồm 150 giường điều trị nội trú; 15 phòng khám; Các phòng chức năng cận lâm sàng: X - quang, CT – Scanner, Siêu âm, Xét nghiệm, ECG, Nội soi; Khu chạy thận nhân tạo: 22 giường hoạt động 3 ca/ngày; 02 quầy thuốc (BHYT và dịch vụ); Khu phẫu thuật; Căn tin. Khu ĐTYC hoạt động như là một khoa của BV ĐKTTG. Việc điều hành đơn vị sẽ do 02 bên thành lập Ban điều hành để điều phối dựa trên nguyên tắc Bệnh viện ĐKTT TG phụ trách về hoạt động chuyên môn; Công ty TNHH Thuận Phú cung cấp và phụ trách về hoạt động tài chính (2)

“Với tính chất hoạt động đa khoa ... và được quản lý bằng cách đồng kiểm soát giữa một bên là Bệnh viện quản lý chuyên môn, một bên là nhà đầu tư quản lý hoạt động tài chính đã giúp Khu ĐTYC có phương thức điều hành khá linh hoạt, cung cấp dịch vụ đa dạng, điều chỉnh kịp thời các phát sinh nên số lượng bệnh nhân tăng

liên tục từ khi thành lập đến nay.” (PVS 01)

Yếu tố vận hành. Kết quả PVS và TLN cho thấy, với tính chất đặc thù của dịch vụ y tế nên việc cung cấp dịch vụ đảm bảo yêu cầu chuyên môn, đa dạng dịch vụ hỗ trợ sẽ tác động rất lớn đến việc thu hút người bệnh để gia tăng nguồn thu và mang lại hiệu quả tài chính.

“Nhận thấy mong muốn được thăm khám từ các bác sĩ tuyến trên, bác sĩ có chuyên môn cao của người bệnh, Khu ĐTYC điều chỉnh công năng khối nhà hỗ trợ thành Khu khám chuyên gia. Khu khám này được nhiều bệnh nhân lựa chọn lại có giá khám cao nên góp phần tăng nguồn thu cho đơn vị.” (TLN) hay

“...nhằm phòng chống dịch bệnh Covid – 19, đơn vị chủ động giảm công suất hoạt động của khu ngoại trú, giảm khai thác giường nội trú, sắp xếp lại nhân lực làm việc nên đã giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực của dịch bệnh đối với kết quả tài chính” (PVS 04)

Yếu tố quản lý chiến lược. Ban Điều hành thực hiện việc xây dựng, quản lý vận hành các chiến lược cho 2 giai đoạn: Giai đoạn 1: “ ... tổ chức hoạt động một cách hiệu quả để thu hồi vốn đầu tư và có tích lũy để đảm bảo tái đầu tư với các chiến lược Nâng cao thái độ phục vụ, đáp ứng sự hài lòng của người bệnh; Nâng cao chất lượng các dịch vụ KCB; đa dạng hóa dịch vụ; Đẩy mạnh Marketing; Xây dựng cơ cấu giá hợp lý; Cân đối tài chính.” (PVS 01).

Giai đoạn 2: “... Đến năm 2025 hoạt động như là cơ sở 2 của Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Tiền Giang khi Bệnh viện di dời về cơ sở mới (PVS 01)

Yếu tố nhân lực. Nhân lực có chuyên môn, ổn định về số lượng, có tinh thần, thái độ giao tiếp ứng xử tốt sẽ tác động tích đến nguồn thu. Đồng thời, đội ngũ nhân lực ý thức trách nhiệm cao, sử dụng hợp lý nguồn lực trong quá trình tác nghiệp sẽ góp phần gia tăng hiệu quả tài chính của đơn vị. Kết quả PVS, TLN cho thấy: “...do là một khoa của Bệnh viện nên Khu ĐTYC được Bệnh viện điều động các Bác sĩ, Điều dưỡng có chuyên môn, kinh nghiệm làm bộ khung cho hoạt động chuyên môn. Bên cạnh đó, Khu ĐTYC cũng dễ dàng cộng tác với bác sĩ để tận dụng khoảng thời gian ra trực, ngoài giờ. Đây là một thuận lợi lớn giúp người bệnh yên tâm, tin tưởng về chuyên môn khi chọn KCB tại Khu ĐTYC.” (PVS 01)

Hay, “Khu ĐTYC thường xuyên lấy kiến khách hàng bằng nhiều hình thức: thùng thư góp ý; phát phiếu khảo sát; gọi điện thoại phỏng vấn; giải quyết trực tiếp khiếu nại; ... nên kịp

thời chấn chỉnh giao tiếp, ứng xử của NVYT, qua đó tăng sự hài lòng, tăng tỉ lệ tái khám của người bệnh.” (TLN).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Về kết quả hoạt động tài chính. Lợi nhuận có xu hướng tăng mạnh ở giai đoạn đầu hoạt động (2015 – 2019) nhưng đến năm 2020, 2021 sụt giảm. Kết quả PVS cho thấy nguyên nhân chính là do tác động bất lợi của dịch bệnh Covid – 19. Tại các cơ sở y tế công lập trong giai đoạn 2014 – 2018, các tác giả Nguyễn Thị Nhạn (7), Nguyễn Thị Ngọc Uyên cũng cho biết có kết quả chênh lệch thu chi tăng theo từng năm dao động 6 – 73% (5). Nghiên cứu của Phạm Văn Thịnh cũng cho thấy chênh lệch thu chi tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015 – 2019 có xu hướng tăng (8). Chênh lệch thu chi của cơ sở y tế công, cơ sở y tế liên doanh liên kết theo hướng khả quan gắn liền với quá trình tự chủ tài chính của các đơn vị này.

4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả tài chính

Yếu tố bên ngoài

Yếu tố chính sách. Khu ĐTYC được thành lập từ chủ trương, chính sách XHH cũng nằm trong xu hướng chung về tăng trưởng nguồn thu của các cơ sở y tế công lập trong bối cảnh tự chủ tài chính. Do cung cấp dịch vụ KCB cho đối tượng BHYT nên các chính sách về BHYT cũng ảnh hưởng đến kết quả tài chính của Khu ĐTYC. Do hành lang pháp lý chưa đầy đủ nên hoạt động liên doanh liên kết của cơ sở y tế công lập cũng gặp không ít khó khăn trong thanh toán chi phí BHYT phát sinh. Tuy nhiên, với tỉ trọng nguồn thu từ BHYT chỉ chiếm khoảng 30% tổng nguồn thu nên hoạt động Khu ĐTYC không bị mất cân đối thu chi dù có thời điểm bị cơ quan BHXH treo toàn bộ kinh phí phát sinh năm 2019, năm 2020. Đây cũng là điểm đáng lưu ý khi xây dựng danh mục, giá dịch vụ tại các cơ sở KCB theo yêu cầu có thanh toán BHYT cho người bệnh.

Yếu tố bối cảnh. Kinh tế xã hội tăng trưởng làm tăng nhu cầu chăm sóc sức khỏe, người dân có điều kiện chi trả cao hơn cho dịch vụ hỗ trợ khi cần KCB bên cạnh các quyền lợi được hưởng từ quỹ BHYT. Tình trạng quá tải, cơ sở vật chất xuống cấp tại BV ĐKTG cũng là nguyên nhân người bệnh chọn KCB tại Khu ĐTYC. Năm 2020, 2021 dịch bệnh Covid – 19 xuất hiện với nhiều tác động tiêu cực nhưng Khu ĐTYC đã “thích ứng linh hoạt” bằng nhiều giải pháp đã đảm bảo

sự ổn định của hoạt động tài chính cho cả giai đoạn 2015 – 2021. Tác động của yếu tố bối cảnh đối với kết quả hoạt động tài chính tại Khu ĐTYC cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của tác giả Nurettin Oner (9) và Nguyễn Thị Ngọc Uyên (5).

Yếu tố bên trong

Yếu tố cấu trúc. Với tính chất hoạt động đa khoa được quản lý bằng cách đồng kiểm soát giữa một bên là Bệnh viện quản lý chuyên môn, một bên là nhà đầu tư quản lý hoạt động tài chính đã giúp Khu ĐTYC có phương thức điều hành khá linh hoạt, cung cấp dịch vụ đa dạng, điều chỉnh kịp thời các phát sinh đã tác động tích cực đến kết quả hoạt động tài chính giai đoạn 2015 – 2021. Yếu tố cấu trúc có ảnh hưởng rõ ràng đến kết quả tài chính tại Khu ĐTYC. Đây cũng là kết quả được chỉ ra trong nghiên cứu của tác giả Nurettin Oner (2016) (9).

Yếu tố vận hành. Sự linh hoạt trong vận hành hoạt động đã mang lại ảnh hưởng tích cực đối với kết quả tài chính tại Khu ĐTYC, kết quả này phù hợp với kết quả nghiên cứu của tác giả Nurettin Oner (9).

Yếu tố quản lý chiến lược. Với việc xây dựng rõ ràng chiến lược và tổ chức quản lý chiến tốt đã giúp kết quả tài chính của Khu ĐTYC đạt và vượt các mục tiêu đề ra. Ban Điều hành thực hiện việc xây dựng, quản lý vận hành các chiến lược cho 2 giai đoạn. Từ các chiến lược trọng tâm, Khu ĐTYC triển khai các giải pháp thực hiện cụ thể một cách chủ động, luôn bám sát chiến lược chung nên kết quả tài chính giai đoạn 2015 – 2021 tăng trưởng ổn định.

Yếu tố nhân lực. Nhân lực có chuyên môn, ổn định về số lượng, có tinh thần, thái độ giao tiếp ứng xử tốt sẽ tác động tích cực đến nguồn thu. Yếu tố y bác sĩ giỏi, tay nghề cao, giao tiếp tốt tác động đến kết quả tài chính cũng được tác giả Nguyễn Thị Ngọc Uyên chỉ ra trong nghiên cứu tại Bệnh viện Ung bướu Thành phố Hồ Chí Minh (5). Yếu tố nhân lực tác động đến nguồn thu của cơ sở y tế cũng là kết quả thường thấy ở nhiều nghiên cứu tương tự.

V. KẾT LUẬN

Kết quả hoạt động tài chính của Khu ĐTYC tăng dần và ổn định trong giai đoạn 2015 – 2021. Tổng doanh thu năm 2021 tăng 1,97 lần so với năm 2015. Tổng chi phí cũng có xu hướng tăng từng năm trong giai đoạn 2015 – 2021. Năm 2021 tăng gấp 2,15 lần so với năm 2015. Xu hướng tăng/giảm tổng chi phí phù hợp với xu

hướng tăng/giảm tổng doanh thu. Lợi nhuận sau thuế của Khu ĐTYC có xu hướng tăng mạnh và ổn định ở giai đoạn đầu mới hoạt động, lợi nhuận giai đoạn 2015 – 2021 đạt 68.999 trđ. Yếu tố bên ngoài ảnh hưởng lớn đến kết quả tài chính là yếu tố chính sách xã hội hoá. Bên cạnh yếu tố cấu trúc có tác động tương đối rõ, các yếu tố bên trong còn lại gồm yếu tố vận hành, yếu tố quản lý chiến lược và yếu tố nhân lực có mức ảnh hưởng tương đương và tác động đan xen đối với kết quả hoạt động tài chính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nghị quyết số 93/NQ-CP của Chính phủ:** Về một số cơ chế, chính sách phát triển y tế [Internet]. [cited 2022 Mar 6]. Available from: <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=178035>
2. **Khu Điều trị theo yêu cầu.** Quy chế tổ chức và hoạt động. 2020.
3. Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Quyết định số 1000/QĐ-UBND, ngày 13/04/2018 phê duyệt Đề án xã hội hóa Khu Điều trị theo yêu cầu và kỹ thuật cao. 2018.
4. **Nghị định 43/2006/NĐ-CP quyền tự chủ,** tự chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập [Internet]. [cited 2022 Mar 6]. Available from: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-43-2006-ND-CP-quyen-tu-chu-tu-chiu-trach-nhiem-thuc-hien-nhiem-vu-to-chuc-bo-may-bien-che-tai-chinh-doi-voi-don-vi-su-nghiep-cong-lap-11313.aspx>
5. **Nguyễn Thị Ngọc Uyên.** Kết quả hoạt động tài chính và một số yếu tố ảnh hưởng tại Bệnh viện Ung bướu Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 – 2018.
6. **Nguyễn Thị Tuyền Linh.** Đánh giá kết quả một số hoạt động tài chính của Bệnh viện Đa khoa trung tâm Tiền Giang giai đoạn 2009 – 2013. Luận văn thạc sĩ Quản lý bệnh viện; 2014.
7. **Nguyễn Thị Nhạn.** Hiệu quả hoạt động thu chi tài chính tại Trung tâm dịch vụ y tế Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2014-2016. Trường Đại Học Tế Công Cộng. 2017;
8. **Phạm Văn Thịnh.** Thực trạng tự chủ tài chính tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015 – 2019. Trường Đại Học Tế Công Cộng. 2020;
9. **Ms NO, Ai E.** Organizational and Environmental Factors Associated with Hospital Financial Performance: A Systematic Review. J Health Care Finance [Internet]. 2016 Nov 28 [cited 2022 Mar 8];43(2). Available from: <http://www.healthfinancejournal.com/~junland/index.php/johcf/article/view/100>

ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG, CẬN LÂM SÀNG XEP THÂN ĐỐT SỐNG DO LOÃNG XƯƠNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH THÁI BÌNH

Nguyễn Thế Điệp¹, Vũ Văn Tú²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng xẹp thân đốt sống do loãng xương tại bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang 37 bệnh nhân được chẩn đoán xác định là xẹp thân đốt sống do loãng xương tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình từ tháng 1/2020 đến tháng 12/2020. **Kết quả:** Xẹp đốt sống do loãng xương hay gặp ở nữ hơn nam giới, với tỷ lệ nữ/nam là 29/8. Bệnh gặp chủ yếu gặp ở người cao tuổi, tỷ lệ bệnh nhân từ 60 - 80 tuổi chiếm 75,7%. Đau âm ỉ tại chỗ chiếm 13,5%, đau dữ dội chiếm 86,5%; gù vẹo chiếm 21,6%. Có 78,6% trường hợp tổn thương 1 đốt, 21,4% trường hợp tổn thương ≥ 2 đốt. Với 42 đốt sống, có 61,9% đốt xẹp hình chêm, 26,2% đốt lõm 2 mặt, 11,9% lún ép thân đốt sống. **Kết luận:** Xẹp đốt sống do loãng xương hay

gặp ở nữ và chủ yếu gặp ở người cao tuổi. Lâm sàng thường gặp đau dữ dội và gù vẹo cột sống. Trên phim chụp đa số tổn thương 1 đốt. Với phần lớn là xẹp hình chêm. **Từ khóa:** Xẹp thân đốt sống, loãng xương: lâm sàng, cận lâm sàng

SUMMARY

CLINICAL AND SUBCLINICAL CHARACTERISTICS OF THE COLLAPSED VERTEBRAL DUE TO OSTEOPOROSIS AT THAI BINH GENERAL HOSPITAL

Objective: To describe the clinical and subclinical characteristics of the collapsed vertebral due to osteoporosis at Thai Binh general hospital. **Subjects and methods:** A cross-sectional descriptive study of 37 patients with confirmed diagnosis of vertebral collapse due to osteoporosis at Thai Binh General Hospital from January to December 2020. **Results:** Osteoporotic was more common in women than men, with female/male ratios, were 29/8. It accounts for the highest proportion in patients aged 60 - 80 years, accounting for 75.7%. Symptoms of local dull pain accounted for 13.5%, severe pain was 86.5%; humpback was 21.6%. There were 78.6% cases of 1-segment lesions, and 21.4% of cases of ≥2-segment lesions. Among 42 vertebrae, there are 61.9% wedge-

¹Trường Đại Học Y Dược Thái Bình

²Bệnh viện Đa Khoa Tỉnh Thái Bình

Chịu trách nhiệm: Nguyễn Thế Điệp

Email: diepnguyentheyb@gmail.com

Ngày nhận bài: 7.6.2023

Ngày phản biện khoa học: 18.7.2023

Ngày duyệt bài: 11.8.2023